

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2019/HSST**
Ngày 05 tháng 3 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Hằng Huệ - Giáo viên nghỉ hưu.**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh - Cán bộ**
Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa: Bà **Võ Yến Thanh - Kiểm sát viên.**

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà
Nội, Tòa án nhân dân quận B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:
13/2019/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
13/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với:

* Bị cáo **Trần Ngọc K.** Sinh ngày: 08/11/2000 (phạm tội khi được 17 tuổi
11 tháng 21 ngày). Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh T; Nơi ở: không
có định; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Thiên Chúa giáo. Họ tên bố: Trần Văn T, Sinh năm: 1966. Họ tên mẹ:
Trần Thị N, sinh năm: 1972. Gia đình có 3 anh chị em, bị cáo là con út. Tiền án,
tiền sự: Không. Hiện đang bị Cơ quan CSĐT – CATP Hà Nội khởi tố bị can về
hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản theo Quyết định số 429/PC45-DD3 ngày
18/6/2018. Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 29/10/2018. Hiện đang bị áp
dụng biện pháp tạm giam tại Trại giam số 1- CATP Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ theo pháp luật: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1966. Hộ khẩu
thường trú: thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh T. Người bào chữa: bà **Phan Thị Thu T –**
Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội. Có
mặt tại phiên tòa.

* Bị cáo: **Nguyễn Văn T.** Sinh ngày: 20/7/1999; Nơi ĐKKHKT và nơi ở:
5/39 Phương Trì, thị trấn Phùng, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp:
Không; Văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Họ

tên bố: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1959. Họ tên mẹ: Lưu Thị N, sinh năm: 1962. Gia đình có 4 anh chị em, bị can là con út. Tiền án: Bản án số 01/2015 ngày 09/1/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử 12 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Ra trại ngày 05/7/2015 (được coi là không có án tích theo điểm a khoản 1 điều 107 BLHS); Bản án số 177/2016 ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân quận B xử 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. (được coi là không có án tích theo điểm b khoản 1 điều 107 BLHS); Bản án số 106/2017 ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân quận B xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với bản án số 177/2016 ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân quận B buộc chấp hành hình phạt là 15 tháng tù. Ra trại ngày 12/3/2018 (được coi là không có án tích theo điểm b khoản 1 điều 107 BLHS); Tiền sự: có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản vào năm 2016; Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 29/10/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – CATP Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Chị **Nguyễn Thị Tú A**, sinh năm 1994. Hộ khẩu thường trú: số 4C/20/24/420 K, quận T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc K và Nguyễn Văn T là bạn bè của nhau. Khoảng 22 giờ ngày 28/10/2018, K mượn xe máy Honda Wave màu cam, không biển kiểm soát của anh Nguyễn Huy C(trú tại: huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội) đến đón T tại thị trấn Phùng, huyện Đ, thành phố Hà Nội để đi đến phố Phạm Ngọc Thạch đòi nợ. T điều khiển xe đèo K ngồi sau đi lên phố Phạm Ngọc Thạch nhưng không gặp được người để đòi nợ. Đến 00 giờ 30 phút ngày 29/10/2018, trên đường đi về theo hướng từ Kim Mã đi Cầu Giấy, đến đoạn ngã tư Kim Mã – Núi Trúc, K ngồi sau quan sát thấy anh Trần Vũ Tùng N (sinh năm 1995; HKTT: số 4C/24/20/420 K, quận T, thành phố Hà Nội) đang điều khiển xe máy Piaggio LX màu trắng, biển kiểm soát 30F7-9958 chở chị Nguyễn Thị Tú A (sinh năm 1994, HKTT: Số 4C/20/24/420 K, quận T, thành phố Hà Nội) ngồi sau. Chị Tú A có đeo một chiếc túi xách màu đen ở bên hông trái. K nảy sinh ý định cướp giật túi xách của chị Tú A để có tiền tổ chức sinh nhật và rủ T cùng thực hiện. T đồng ý và điều khiển xe máy bám theo sau xe của anh N, chị Tú A. Khi xe của anh N đi đến khu vực số 304 Kim Mã (gần bãi đỗ xe Ngọc K), phường Ngọc K, T tăng ga áp sát phía bên trái của anh N để K ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách của chị Tú A. Sau khi giật được túi xách, T điều khiển xe chở K bỏ chạy theo hướng từ Kim Mã rẽ ra Nguyễn Chí Thanh. K ngồi sau mở túi xách vừa cướp giật được, phát hiện bên trong có 01 chiếc điện thoại Oppo màu đen, 01 ví nữ màu trắng hồng bên trong có 735.000 đồng cùng một số đồ mỹ phẩm. K lấy chiếc điện thoại cất vào túi quần trước bên trái của mình, lấy chiếc ví nữ màu trắng giắt vào cạp quần của T rồi vứt chiếc túi xách trên đường (không nhớ rõ nơi vứt). T và K tiếp tục điều khiển xe theo hướng Đê La Thành – G – Trần Huy Liệu, khi đến trước cửa khách sạn Hà

Nội (địa chỉ: D8 G, phường G, quận B, thành phố Hà Nội) thì bị Tổ công tác PK02E – Công an thành phố Hà Nội đang làm nhiệm vụ áp sát yêu cầu dừng xe để kiểm tra hành chính.

Trong quá trình kiểm tra hành chính, T và K giao nộp 04 chiếc điện thoại, trong đó có 01 chiếc điện thoại Oppo màu đen nhưng K và T không mở được mặt khóa. Đúng lúc này, anh N và chị Tú A đã tìm ra vị trí của T và K (do có cài phần mềm định vị trong máy điện thoại), nên Tổ công tác đưa hai đối tượng cùng toàn bộ vật chứng về trụ sở Công an phường G để điều tra làm rõ.

Vật chứng thu giữ của Trần Ngọc K bao gồm: 01 điện thoại Huawei màu vàng hồng đã qua sử dụng, số IMEI: 867070334887461; 01 xe máy Honda Wave Alpha màu cam đã qua sử dụng, không có biển kiểm soát, số khung: 063573, số máy: 0063596; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 869383035822717.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn T bao gồm: 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh nước biển đã qua sử dụng, số IMEI: 3559300411246285; 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng đã qua sử dụng, số IMEI: 358571076604683; 01 ví nữ màu trắng hồng bên trong chứa 735.000 đồng.

Bản kết luận định giá số 108/KLĐG/HĐ ngày 18 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND quận B kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, số IMEI: 869383035822717 đã qua sử dụng, trị giá là: 4.500.000 đồng; 01 ví nữ màu trắng hồng kích thước 10 x 15cm đã qua sử dụng, trị giá là 100.000 đồng; 01 túi xách nhãn hiệu Lyn kích thước 20 x 21cm đã qua sử dụng (chưa thu giữ được) trị giá là 300.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản trên là: 5.635.000 đồng.

Đối với số đồ mỹ phẩm trong túi xách của người bị hại là chị Nguyễn Thị Tú A, do chị Tú A đã khai sử dụng gần hết, không nhớ thời điểm mua và giá trị lúc mua, do đó chị không yêu cầu định giá, CQĐT không tiến hành trưng cầu đánh giá đối với số đồ mỹ phẩm này. Đối với chiếc túi xách các bị can đã vứt trên đường bỏ chạy, chị Tú A không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Ngọc K và Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người tham gia bắt giữ, sơ đồ bắt giữ, vật chứng thu giữ và các tài liệu điều tra khác trong hồ sơ vụ án.

Chiếc xe máy Honda Wave màu cam không biển kiểm soát, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định số khung, số máy. Bản kết luận giám định số 9143/KL/PC09-DD3 ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - CATP Hà Nội kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda Wave không đeo biển kiểm soát gửi giám định hiện tại có số khung: RLHJA3904HY063573 và số máy JA39E-0063596 là số nguyên thủy.

Chủ xe là anh Nguyễn Huy C (sinh năm 1999, HKTT: Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) khai mua lại xe của một người không rõ lai lịch cụ thể, biển số xe là 24V1-13796, anh Chiến khi cho K mượn xe anh Chiến không biết được việc K chưa đủ 18 tuổi và chưa có bằng lái xe. Qua xác minh, chủ đăng ký xe là anh Hoàng Văn Hải (sinh năm 1990, HKTT: Hòa Mạc, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai). Anh Hải khai bị người khác lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy trên vào khoảng tháng 10 năm 2017 tại địa bàn quận N Từ Liêm. Quá trình điều tra cơ quan điều tra mời anh Hải đến làm việc nhưng anh Hải chưa đến làm việc theo giấy mời. Cơ quan điều tra đã ra quyết định số 01/QĐ-CABĐ ngày 07/01/2019 tách rút phần tài liệu liên quan đến chiếc xe máy nêu trên để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả người bị hại tài sản bị chiếm đoạt bao gồm: 01 điện thoại Oppo màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 869383035822717; 01 ví nữ màu trắng hồng và số tiền 735.000 đồng. Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc K và Nguyễn Văn T về tội Cướp giật tài sản theo qui định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo K có quan điểm:

Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát đề nghị. Hành vi của bị cáo K thực hiện đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo Trần Ngọc K phạm tội khi còn ở tuổi chưa thành niên chưa nhận T được hết hành vi cũng như hậu quả do mình gây ra, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn được nhà nước xác nhận là hộ nghèo; bị cáo đã khai nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, bị cáo đã nhận T được hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cả về vật chất và tinh thần cho người bị hại, bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/10/2018, tại khu vực số 304 Kim Mã (gần bãi đỗ xe Ngọc K), phường Ngọc K, quận B, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn T và Trần Ngọc K đã có hành vi sử dụng xe máy để áp sát, cướp giật tài sản của chị Nguyễn Thị Tú A bao gồm: 01 điện thoại OPPO màu đen đã qua sử dụng trị giá 4.500.000 đồng, 01 ví nữ màu trắng hồng trị giá 100.000 đồng, 01 túi xách nhãn hiệu Lyn đã qua sử dụng trị giá 300.000 đồng và 735.000 đồng tiền mặt rồi nhanh chóng tẩu thoát thì bị Tổ công tác PK02E – Công an thành phố Hà Nội bắt giữ tại trước cửa khách sạn Hà Nội (địa chỉ: D8 G, phường G, quận B, thành phố Hà Nội). Tổng giá trị tài sản các bị can chiếm đoạt được là: 5.635.000 đồng. Nguyễn

Văn T là người điều khiển xe, Trần Ngọc K là người trực tiếp giật túi xách của người bị hại. Tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Hành vi của bị cáo T và K đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần Ngọc K và Nguyễn Văn T về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015. Và đề nghị áp dụng Điểm d Khoản 2, Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015, Điều 38, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo K, bị cáo không có tiền án tiền sự, thái độ khai báo thành khẩn. Bị cáo phạm tội khi được 17 tuổi 11 tháng 21 ngày, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của người bị hại, gia đình bị cáo được nhà nước xác nhận là hộ nghèo để xử phạt bị cáo từ 27 đến 32 tháng tù; Đề nghị áp dụng Điểm d Khoản 2, Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015, Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo T, bị cáo có 03 tiền án (đã xóa án tích); 01 tiền sự (đã hết thời hiệu), thái độ khai báo thành khẩn để xử phạt bị cáo từ 40 đến 45 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị Tú A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo K: 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Huawei màu vàng hồng, có số IMEI: 867070334887461 (đã qua sử dụng) theo biên bản bàn giao vật chứng số 37/CQĐT (ĐTHS) ngày 18/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh nước biển, có số IMEI: 3559300411246285 (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, có số IMEI: 358571076604683 (đã qua sử dụng) theo biên bản bàn giao vật chứng số 37/CQĐT (ĐTHS) ngày 18/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa các bị cáo K và T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và lời nói sau cùng trước khi hội đồng xét xử vào nghị án các bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi các bị cáo Trần Ngọc K và Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, tang vật thu giữ trong vụ án, kết luận định giá tài sản của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận B cùng các tài liệu có trong hồ sơ. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/10/2018, tại khu vực số 304 Kim Mã (gần bãi đỗ xe Ngọc K), phường Ngọc K, quận B, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn T và Trần Ngọc K đã có hành vi sử dụng xe máy để áp sát, cướp giật tài sản của chị Nguyễn Thị Tú A bao gồm: 01 điện thoại OPPO màu đen đã qua sử dụng trị giá 4.500.000 đồng, 01 ví nữ màu trắng hồng trị giá 100.000 đồng, 01 túi xách nhãn hiệu Lyn đã qua sử dụng trị giá 300.000 đồng và 735.000 đồng tiền mặt rồi nhanh chóng tẩu thoát thì bị Tổ công tác PK02E – Công an thành phố Hà Nội bắt giữ tại trước cửa khách sạn Hà Nội (địa chỉ: D8 G, phường G, quận B, thành phố Hà Nội). Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt được là: 5.635.000 đồng. Nguyễn Văn T là người điều khiển xe, Trần Ngọc K là người trực tiếp giật túi xách của người bị hại. Tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Hành vi trên đây của Nguyễn Văn T và Trần Ngọc K đã phạm vào tội ‘Cướp giật tài sản’. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Đây là vụ án phạm tội có đồng phạm, các bị cáo phạm tội mang tính chất tảo tợn và liều lĩnh, cả hai bị cáo rủ nhau đi cướp tài sản, T là người trực tiếp điều khiển phương tiện xe máy để K ngồi sau thực hiện hành vi phạm tội. K là người trực tiếp rủ T thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của K và T là ngang nhau. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân của bị cáo Trần Ngọc K: Là thanh niên đang trong độ tuổi lao động, song bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, làm ăn lương thiện mà đi vào con đường phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy thái độ của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo giai đoạn từ năm 2018-2020; Người bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây cũng là tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền được quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo.

[5] Xét nhân thân của bị cáo Nguyễn Văn T: Là thanh niên đang trong độ tuổi lao động. Bị cáo có 03 tiền án và 01 tiền sự, tuy tiền án tiền sự của bị cáo đã được xóa và hết thời hiệu nhưng qua đó thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, đã được pháp luật giáo dục cải tạo nhiều lần nhưng bị cáo không sửa đổi lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội, thể hiện bị cáo là người có ý T cải tạo rất kém. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy thái độ của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo. Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền được quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị Tú A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điểm d Khoản 2, Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015, Điều 38, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Ngọc K 28 (hai mươi tám)** tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2018.

Áp dụng Điểm d Khoản 2, Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015, Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 40 (bốn mươi)** tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2018.

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo K: 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Huawei màu vàng hồng, có số IMEI: 867070334887461 (đã qua sử dụng) theo biên bản bàn giao vật

chứng số 37/CQĐT (ĐTHS) ngày 18/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh nước biển, có số IMEI: 3559300411246285 (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, có số IMEI: 358571076604683 (đã qua sử dụng) theo biên bản bàn giao vật chứng số 37/CQĐT (ĐTHS) ngày 18/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ điểm 6.1.2 mục b Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo K, người bào chữa cho bị cáo K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2019. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án ./.

Nơi nhận:

- TAND TP thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận B;
- Công an quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Trại tạm giam số 1 Hà Nội;
- UBND xã Q, huyện K, tỉnh T;
- UBND thị trấn Phùng, huyện Đ, thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhung